

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày: 02-7-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cung

2. Ông Từ Văn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi V T, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú V T, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Bùi Đ S, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú V T, thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/11/2023, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi V T trình bày:

Vào ngày 15/12/2022, ông Bùi Đ S mượn của ông Bùi V T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để làm ăn, khi nào ông T cần thì báo trước 01 tháng ông S sẽ hoàn trả số tiền trên. Khi mượn hai bên có viết giấy mượn tiền đề ngày 15/12/2022. Đến ngày 15/5/2023, ông T thông báo cho ông S đến 15/7/2023 phải trả lại tiền cho ông nhưng ông S không trả và cố tình lẩn tránh nên ông Bùi V T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Đ S phải trả cho ông số tiền đã vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Bùi Đ S vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định.

Về quan hệ tranh chấp: Xác định đúng quan hệ tranh chấp theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Về nội dung: Căn cứ các khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326 của UBTWQH14 ngày 30/12/2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi V T. Buộc ông Bùi Đ S phải trả cho ông Bùi V T số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Bùi V T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Đ S phải trả cho ông số tiền đã vay vào ngày 15/12/2022 nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Bùi Đ S có nơi cư trú tại thị trấn C C, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N H.

[1.2] Bị đơn ông Bùi Đ S đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo ông Bùi V T trình bày thì vào ngày 15/12/2022, ông Bùi Đ S có vay của ông số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn, lúc vay có viết giấy mượn tiền nhưng đến nay vẫn chưa trả. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để làm việc và cũng không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, tại Giấy mượn tiền do nguyên đơn giao nộp có nội dung *“Tôi tên Bùi Đ S, thôn Phú V T, thị trấn C C. Vào ngày 30/12/2022, tôi có mượn anh Bùi V T thôn Phú V T, thị trấn C C với số tiền 50.000.000đ (Năm chục triệu đồng. Khi nào cần anh T báo trước 01 tháng tôi sẽ hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng cho anh T”*. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”*. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vào ngày 30/12/2022 ông Bùi Đ S có vay của ông Bùi V T số tiền 50.000.000 đồng, vay không kỳ hạn và không có lãi. Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau biết trước một thời gian hợp lý...”*. Ông T đã thông báo cho ông S phải trả nợ từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/7/2023 nhưng ông S không trả và cố tình lẩn tránh nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Đ S phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi V T.

Buộc ông Bùi Đ S phải trả cho ông Bùi V T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Đ S phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000244 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án huyện N H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N H;
- CCTHADS huyện N H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam